

Số: 560 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 20 tháng 02 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 143/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh Đồng Nai Quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 22/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 143/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh Đồng Nai về quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp tỉnh Đồng Nai;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 196/TTr-SNN ngày 14/01/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 143/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp tỉnh Đồng Nai (Kèm file Nghị quyết).

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 143/2018/NQ-HĐND ngày ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh; rà soát, bãi bỏ các văn bản pháp luật không phù hợp với nội dung của Nghị quyết số 143/2018/NQ-HĐND ngày ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân

tỉnh; định kỳ hàng năm xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện, đánh giá kết quả thực hiện và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT:UBND tỉnh;
- BCĐ NN,ND,NT và XDNTM tỉnh;
- Chánh, các PCVP.UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CNN, KT, TH.

(Khoa.Cm/77.trienkhaiNQ143)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Văn Chánh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143/2018/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày 07 tháng 12 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

Quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm
nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 8

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 05 năm 2018 của Chính phủ về khuyến nông;

Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 12253/TTr-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, cụ thể:

1. Phạm vi điều chỉnh

Chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai áp dụng đối các sản phẩm nằm trong Danh mục ngành hàng, sản phẩm quan trọng cần khuyến khích và ưu tiên hỗ trợ trong liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Nông dân, chủ trang trại, người được ủy quyền đối với hộ nông dân, tổ hợp tác (sau đây gọi chung là nông dân).
- b) Cá nhân, người được ủy quyền đối với nhóm cá nhân, hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh (sau đây gọi chung là cá nhân).
- c) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (sau đây gọi chung là hợp tác xã).
- d) Doanh nghiệp.
- đ) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Nội dung và mức hỗ trợ

- a) Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết: Chủ trì liên kết được hỗ trợ 100% chi phí tư vấn xây dựng liên kết nhưng không quá 300 triệu đồng, bao gồm: Tư vấn, nghiên cứu để xây dựng hợp đồng liên kết, dự án liên kết, phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường.
 - b) Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết: Dự án liên kết được hỗ trợ 30% vốn đầu tư máy móc trang thiết bị, cơ sở hạ tầng phục vụ sơ chế, bảo quản, chế biến; xây dựng các công trình hạ tầng phục vụ liên kết bao gồm: Nhà xưởng, bến bãi, kho tàng phục vụ sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, tổng mức hỗ trợ không quá 10 tỷ đồng/01 dự án.
 - c) Hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến nông
 - Hỗ trợ 50% chi phí mua giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình trình diễn.
 - Hỗ trợ 40% tổng kinh phí thực hiện mô hình ứng dụng công nghệ cao, mức hỗ trợ không quá 01 tỷ đồng.
 - Hỗ trợ 100% chi phí chứng nhận cơ sở sản xuất thực phẩm an toàn, cơ sở an toàn dịch bệnh.
- Số lượng mô hình xây dựng trên cơ sở quy mô của dự án, được cơ quan cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- d) Hỗ trợ bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo kỹ thuật
 - Đối tượng nhận chuyên giao khoa học kỹ thuật - công nghệ: Hỗ trợ 100% chi phí tài liệu, tiền ăn, đi lại, nơi ở trong thời gian tham dự đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, học tập mô hình khuyến nông theo quy định hiện hành.
 - Đối tượng chuyên giao khoa học kỹ thuật - công nghệ: Hỗ trợ 100% chi phí tài liệu, đi lại, tiền ăn, nơi ở trong thời gian đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, khảo sát học tập khuyến nông; hỗ trợ 100% chi phí giảng viên, trợ giảng, hướng dẫn tham quan, tổ chức lớp học.
 - đ) Hỗ trợ đào tạo nghề: Mức hỗ trợ áp dụng theo đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Đồng Nai.
 - e) Hỗ trợ giống, vật tư, thiết kế bao bì sản phẩm qua dịch vụ tập trung của hợp tác xã
 - Hỗ trợ 100% chi phí thiết kế bao bì sản phẩm, mức hỗ trợ không quá 08 triệu đồng/mẫu thiết kế và không quá 03 mẫu thiết kế.
 - Hỗ trợ giống, vật tư:

+ Liên kết trong trồng trọt: Hỗ trợ 50% chi phí mua giống cây trồng và 30% chi phí mua vật tư, thời gian hỗ trợ và mức hỗ trợ như sau:

. Cây rau và cây dược liệu: Hỗ trợ trong 03 vụ, tổng mức hỗ trợ không quá 03 triệu đồng/ha/vụ.

. Cây lương thực: Hỗ trợ trong 03 vụ, riêng đối với giống cây khoai mì hỗ trợ 01 vụ, tổng mức hỗ trợ không quá 05 triệu đồng/ha/vụ.

. Cây công nghiệp: Hỗ trợ 01 lần giống trồng mới, hỗ trợ vật tư 03 năm, tổng mức hỗ trợ không quá 06 triệu đồng/ha/năm.

. Cây ăn quả: Hỗ trợ 01 lần giống trồng mới, hỗ trợ vật tư 03 năm, tổng mức hỗ trợ không quá 09 triệu đồng/ha/năm.

+ Liên kết trong chăn nuôi: Hỗ trợ 30% chi phí mua vắc-xin phòng bệnh gia súc, gia cầm cho các hộ, trang trại tham gia chuỗi liên kết: Hỗ trợ vắc-xin phòng bệnh gia cầm (cúm, newcastle, dịch tả vịt) không quá 02 ngàn đồng/con; hỗ trợ vắc-xin phòng bệnh cho heo (dịch tả, lở mồm long móng) không quá 40 ngàn đồng/con, thời gian hỗ trợ trong 03 chu kỳ sản xuất.

+ Liên kết trong lâm nghiệp: Hỗ trợ 01 lần 50% chi phí mua giống, hỗ trợ 30% chi phí mua vật tư trong 03 năm, tổng mức hỗ trợ không quá 06 triệu đồng/ha/năm.

+ Liên kết trong thủy sản: Hỗ trợ 50% chi phí mua giống và 30% chi phí mua chế phẩm sinh học thủy sản, thời gian hỗ trợ 01 vụ sản xuất, mức hỗ trợ như sau:

. Nuôi tôm nước mặn, lợ (nuôi thâm canh, bán thâm canh): Tổng mức hỗ trợ không quá 95 triệu đồng/ha.

. Nuôi tôm nước ngọt: Tổng mức hỗ trợ không quá 60 triệu đồng/ha.

. Nuôi cá rô đồng, cá lóc (nuôi thâm canh): Tổng mức hỗ trợ không quá 70 triệu đồng/ha.

. Nuôi cá khác trong ao: Tổng mức hỗ trợ không quá 40 triệu đồng/ha.

g) Hỗ trợ 30% kinh phí mua vật tư hệ thống tưới (01 lần đối với phần diện tích chưa được hỗ trợ).

h) Hỗ trợ 40% chi phí chuyển giao khoa học kỹ thuật mới, mức hỗ trợ không quá 300 triệu đồng.

i) Hỗ trợ 40% chi phí áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi, bao gồm thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP và các hình thức sản xuất nông nghiệp tốt khác được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận), cụ thể:

- Chi phí về điều tra cơ bản, khảo sát địa hình, phân tích mẫu đất, mẫu nước, mẫu không khí để xác định các vùng sản xuất tập trung thực hiện các dự án sản xuất nông, lâm sản áp dụng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt do cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Chi phí đánh giá chứng nhận 01 lần (lần đầu hoặc cấp lại).

k) Hỗ trợ 40% kinh phí áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến, gồm: ISO 9001, ISO 22000, mức hỗ trợ không quá 20 triệu đồng/01 hệ thống.

4. Nguồn kinh phí hỗ trợ

Ngân sách tỉnh, huyện bảo đảm nguồn kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, cụ thể:

a) Ngân sách tỉnh hỗ trợ: Chi phí tư vấn xây dựng liên kết đối với các dự án hoặc kế hoạch liên kết do cấp tỉnh phê duyệt; chi phí hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết; chi phí thực hiện mô hình ứng dụng công nghệ cao.

b) Ngân sách cấp huyện hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết đối với các dự án hoặc kế hoạch liên kết do cấp huyện phê duyệt và các nội dung còn lại.

c) Đối với nội dung hỗ trợ đào tạo nghề, thực hiện lồng ghép theo chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm triển khai thực hiện Nghị quyết; rà soát, bãi bỏ các văn bản pháp luật không phù hợp với nội dung Nghị quyết này; định kỳ hàng năm xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện, đánh giá kết quả thực hiện và báo cáo tại kỳ họp cuối năm của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia thực hiện, giám sát Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Khóa IX Kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019. /.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội (A + B);
- Văn phòng Chính phủ (A + B);
- Các Bộ: NNPTNT, Tài chính;
- Cục Kiểm tra VB. QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBNDTTQ tỉnh và các đoàn thể;
- Các sở, ban, ngành;
- VKSND, TAND, CTHADS tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp huyện;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Báo Đồng Nai, LĐĐN, Đài PT-TH Đồng Nai;
- Lưu: VT, PTH.



Nguyễn Phú Cường